

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 398/2022/HS-PT

Ngày 05/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Ngân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Nhật Tân

Bà Đặng Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 87/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 244/2021/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

TRẦN VĂN T, sinh năm 1979; giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Cán bộ trung tâm triển khai và ứng dụng khoa học công nghệ về đất đai thuộc Viện nghiên cứu quản lý đất đai, Tổng cục quản lý đất đai; trình độ văn hóa 12/12; Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn U; Con bà: Đặng Thị A; vợ: Nguyễn Thị Bích N, có 02 con sinh năm 2009 và 2014; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2019 đến 12/5/2020; có mặt.

- Người bào chữa:

1) Ông Nguyễn Hoài S, luật sư công ty luật TNHH Châu Á- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2) Ông Lưu Trọng Đ và bà Lưu Thị Kiều K, luật sư công ty luật TNHH Hà Trọng Đại và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa.

- Bị hại không kháng cáo tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm triển khai và ứng dụng khoa học và công nghệ về đất đai là đơn vị sự nghiệp trực thuộc của Viện Nghiên cứu quản lý đất đai - Tổng cục Quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 07/4/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định phê duyệt Dự án “Xây dựng mô hình và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong kiểm kê, thống kê đất đai; điều tra cơ bản đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giám sát đất chuyên trồng lúa nước” và giao cho Viện nghiên cứu quản lý đất đai là đơn vị Chủ trì thực hiện Dự án. Nguồn vốn thực hiện dự án được cấp từ ngân sách Nhà nước.

Ngày 12/4/2016, Viện nghiên cứu quản lý đất đai (do bà Thái Thị Quỳnh X là Viện trưởng) ký Hợp đồng giao khoán công việc số 08 với Trung tâm triển khai và ứng dụng khoa học và công nghệ về đất đai (do Đinh Ngọc H là giám đốc ký) thực hiện “Triển khai mô hình công nghệ đánh giá chất lượng và phân hạng đất tại tỉnh Hà Tĩnh”, với tổng giá trị thanh toán hợp đồng là 3.179.771.480 đồng, thời hạn giao nộp sản phẩm công việc trong năm 2016. Để thực hiện Hợp đồng giao khoán số 08 trên, Đinh Ngọc H - Giám đốc Trung tâm đã ký Hợp đồng giao khoán thực hiện từng phần việc cụ thể cho các cán bộ Trung tâm. Đối với việc đánh giá chất lượng đất gồm 03 phần việc: Thu thập dữ liệu, số liệu tại các Sở, Ban, Ngành tỉnh Hà Tĩnh; Tiến hành đào, mô tả, lấy tiêu bản 1.312 phần diện đất; điều tra 11.221 mẫu phiếu trên 13 huyện của tỉnh Hà Tĩnh.

Đối với phần việc điều tra phiếu: Cán bộ phải trực tiếp phỏng vấn người dân cung cấp thông tin nội dung theo mẫu phiếu quy định tại Thông tư số 60 ngày 15/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chi trả cho người dân

20.000 đồng, cán bộ phỏng vấn được hưởng 30.000 đồng (tổng 50.000 đồng/1 phiếu điều tra). Tổng giá trị việc điều tra phiếu là 561.050.000 đồng (= 11.221 phiếu điều tra x 50.000 đồng/1 phiếu). Riêng việc điều tra phiếu, Trung tâm không ký hợp đồng giao khoán cho cán bộ cụ thể nào. Chứng từ thanh toán việc điều tra phiếu gồm: Phiếu điều tra (chỉ có cán bộ điều tra điền thông tin và ký tên), Danh sách người cung cấp thông tin (phải có xác nhận của chính quyền địa phương) và Bảng kê chi tiền của người cung cấp thông tin (phải có chữ ký nhận tiền 20.000đồng/1 người dân).

Ngày 16/9/2016, Đinh Ngọc H - là Giám đốc Trung tâm triệu tập cuộc họp, gồm: Đinh Thị Y là kế toán Trung tâm và 08 thành viên phân công Đoàn công tác đi Hà Tĩnh, gồm: Trần Văn T, Trần Thanh Z, Đinh Thị Á, Vũ Ngọc U, Dương Thị D, Cao Thị F, Lưu Hồng J và Phạm Tuấn C. Tại cuộc họp, Đinh Ngọc H phân công Trần Văn T là Trưởng đoàn và yêu cầu sau khi thu thập thông tin tại các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh Hà Tĩnh thì Đoàn tách thành 02 nhóm làm việc độc lập để đào phẩu diện đất và điều tra phiếu. Nhóm 1, gồm: T, Z, Á, U (do T là Trưởng nhóm) phân công đào 803 phẩu diện đất và điều tra 6.802 phiếu theo mẫu của 6 huyện. Nhóm 2, gồm: Dương D, F, J, C (do Dương D là Trưởng nhóm) phân công đào 509 phẩu diện đất và điều tra 4.419 phiếu của 07 huyện tại tỉnh Hà Tĩnh.

Đinh Thị Y hướng dẫn các thành viên Đoàn công tác xin dấu xác nhận của các Sở, ban, ngành vào các Giấy đi đường (nhưng để trống thông tin họ tên, ngày, tháng), xin dấu xác nhận của chính quyền địa phương vào các Danh sách người cung cấp thông tin và phải có chữ ký nhận tiền 20.000đồng/1 người dân cung cấp thông tin vào các Bảng kê chi trả tiền, để hoàn thiện chứng từ chuyển cho Trung tâm thanh toán tiền dự án.

Ngày 17/9/2016, 08 thành viên trên của Đoàn công tác bắt đầu đi vào Hà Tĩnh đến ngày 07/10/2016 Đoàn đã làm việc với các Sở, ban, ngành tại Hà Tĩnh để thu thập thông tin liên quan đến dự án và xin dấu xác nhận vào các Giấy đi đường (nhưng để trống thông tin họ tên, ngày, tháng đi công tác). Từ ngày 08/10/2016, Đoàn tách thành 02 Nhóm đến địa bàn 13 huyện, thị xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện việc đào phẩu diện đất và điều tra phiếu. Đến ngày 24/01/2017, 02 Nhóm kết thúc thực hiện dự án tại Hà Tĩnh và quay về Hà Nội. Ngày 30/12/2016 Viện nghiên cứu đã nghiệm thu và thanh lý toàn bộ hợp đồng giao khoán công việc số 08 với Trung tâm xác nhận khối lượng công việc đã

hoàn thành là 1.312 phễu diện đất và điều tra 11.221 mẫu phiếu. Ngày 21/01/2017, Viện nghiên cứu thanh toán nốt giá trị thanh toán của Hợp đồng số 08 cho Trung tâm là 3.179.771.480 đồng (trong đó: tiền điều tra phiếu là 561.050.000 đồng, tiền thanh toán công tác phí từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 là 99.936.286 đồng, tiền vận chuyển đất phễu là 20.570.000 đồng, ...).

Quá trình điều tra xác định: Các thành viên trong 02 nhóm của Đoàn công tác đi Hà Tĩnh đã lập không các Phiếu điều tra, Danh sách người cung cấp thông tin và Bảng kê chi trả tiền cho người dân cung cấp thông tin (20.000 đồng/1 người) để hoàn thiện chứng từ chuyển cho Trung tâm thanh toán tiền dự án, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 280.525.000 đồng; Các cán bộ của Trung tâm đã lập không chứng từ thanh toán công tác phí đi Hà Tĩnh từ tháng 01/2016 đến tháng 4/2016 số tiền 30.324.000 đồng; và lập không chứng từ thanh toán vận chuyển đất phễu diện theo Hợp đồng kinh tế số 16 với Công ty HD số tiền 20.570.000 đồng, để hợp thức hồ sơ thanh toán tiền dự án trong Hợp đồng giao khoán số 08. Cụ thể các thành viên của 2 nhóm trong Đoàn công tác đi Hà Tĩnh chỉ thực hiện việc đào phễu diện đất, không phỏng vấn và chi trả tiền cho người dân cung cấp thông tin 20.000 đồng/1 phiếu điều tra theo quy định mà lập không các Phiếu điều tra, Danh sách người dân cung cấp thông tin, Bảng kê chi tiền cho người dân cung cấp thông tin, để hoàn thiện chứng từ chuyển cho Trung tâm thanh toán tiền dự án. Hai nhóm trên làm việc độc lập, không hỗ trợ nhau, không biết việc làm không điều tra phiếu của nhau.

Nhóm 1: gồm T, Z, Â, P (do T là Trưởng nhóm). Do khối lượng công việc nhiều, việc đào phễu đi lại giữa các huyện được phân công đã chiếm gần hết thời gian công tác, 04 thành viên trong Nhóm (lúc này Trần Hà P vào thay cho U nghỉ việc vào tháng 10/2016, Hải I vào làm thay Â khoảng 2 tuần vào tháng 11/2016) đã bàn nhau chỉ thực hiện phần việc đào, mô tả 803 phễu đất/địa bàn 6 huyện (cụ thể: Liên hệ với các thôn, xã/6 huyện để chọn vị trí đất nông nghiệp, thuê nhân công đào phễu đất theo kích thước 80cmx100cmx120cm, sau đó thuê xe khách chở phễu đất của từng huyện về Bến xe Nước Ngầm, Hà Nội khoảng 5 - 6 lần và liên hệ với Nguyễn Thị V là cán bộ Trung tâm đến nhận và thuê chở xe bagac về Trung tâm), còn phần việc điều tra 6.802 phiếu theo mẫu/trên 6 huyện sẽ không phỏng vấn người dân, mà lập không các Phiếu điều tra, Danh sách và Bảng kê chi tiền cho người dân (Bằng cách: Trong quá trình liên hệ đào phễu đất tại Ủy ban nhân dân các xã, T sẽ xin cán bộ các xã, trưởng thôn thông

tin danh sách họ tên, địa chỉ của người dân tại địa phương, rồi đem về chia cho các thành viên trong nhóm gồm: Z, Â, P và T viết vào bảng Danh sách, Bảng kê chi tiền cho người cung cấp thông tin (để trống ngày/tháng lập), phần ký nhận trong Bảng kê chi tiền 20.000 đồng/1 người dân thì thành viên này ký hộ vào Bảng kê chi tiền của thành viên kia hoặc gặp người dân bất kỳ xung quanh thì nhờ ký hộ, sau đó T đến gặp cán bộ UBND xã xin dấu xác nhận vào các Bảng danh sách người dân cung cấp thông tin trên. Phiếu điều tra chủ yếu do Â viết và thuê thêm một phụ nữ tên W ở gần xóm trọ (không rõ họ, địa chỉ) viết các thông tin cơ bản trên phiếu, trả công cho W khoảng 10.000.000 đồng, các thành viên còn lại trong nhóm viết hỗ trợ và ký tên dưới mục người lập vào Phiếu điều tra.

Bị can Trần Văn T khai: Khi đoàn công tác đi Hà Tĩnh, H và Đinh Thị Y có chỉ đạo T không được ký bất kỳ chứng từ thanh toán nào của dự án (do T đã tham gia vào dự án khác của Trung tâm, nên không có tên tham gia tại dự án). Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 07/10/2016, Dương Thị D và F có chuyển tiền của Trung tâm cho T để thực hiện đào đắp và điều tra phiếu của Nhóm 1, tổng số tiền là 306.470.000 đồng (trong đó 164.092.000 đồng D chuyển để điều tra phiếu). Sau khi nhận tiền trên, T đã sử dụng: chi tiền thuê nhân công đào đắp khoảng $82.786.000đ = 106.000 \text{ đồng/1 đắp} \times 803 \text{ đắp}$, chuyển cho Â 80.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt cho nhóm, trả công thuê W 10.000.000 đồng, ứng cho 8 cán bộ trong đoàn từ 1 đến 2 triệu đồng để chi tiêu cá nhân, trả thuê nhà trọ, tiền đi lại cho nhóm, chi tiếp khách, photo tài liệu,...Kết thúc công tác tại Hà Tĩnh, ngày 23/01/2016 T có gửi bản “mail” chi tiêu trong quá trình công tác cho các thành viên trong Nhóm và thống nhất chia đều số tiền công tác phí còn thừa lại khoảng 80.000.000 đồng cho các thành viên trong nhóm, gồm: T, Z, Â, P mỗi người khoảng 20.000.000 đồng.

Nhóm 2, gồm: Dương Thị D, F, J, C (do D là Trưởng nhóm), được phân công đào, mô tả 509 đắp diện đất và điều tra 4.419 phiếu/trên 07 huyện, cũng thực hiện hành vi như trên với thủ đoạn tương tự.

Bị can Dương Thị D khai: Khi vào Hà Tĩnh, Trung tâm có chuyển khoản cho Thủy 127.593.321 đồng tiền tạm ứng Hợp đồng giao khoán và 280.525.000 đồng tiền tạm ứng điều tra phiếu cho cả 2 nhóm. Số tiền này, D chuyển cho T 164.092.000 đồng tiền điều tra phiếu của Nhóm 1, D giữ 116.433.000 đồng tiền điều tra phiếu của Nhóm 2. Sau khi nhận tiền trên, D đã sử dụng cho nhóm 2 gồm: Chi tiền thuê nhân công đào đắp khoảng $53.954.000đ = 106.000 \text{ đồng/1}$

phẫu x 509 phẫu, chi tiêu sinh hoạt, đi lại,... (không có hóa đơn, không ghi chép sổ sách). Kết thúc công tác, tiền công tác phí còn lại của Nhóm 2, D chia trong nhóm (J, F, C, D) mỗi người khoảng 10.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các thành viên còn lại Z, Â, P của Nhóm 1; F, J, C của Nhóm 2 khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 11.221 mẫu phiếu điều tra của Trung tâm; 162 Bảng kê chi tiền cho 6.795 người cung cấp thông tin của Nhóm 1 - có chữ ký đứng tên Trần Hà P, Trần Thanh Z, 03 Bảng kê chi tiền cho 16 người (x 20.000 đồng = 320.000 đồng) không có cán bộ ký chi tiền. Không thu được Bảng kê chi tiền thể hiện Â, T, I ký. Kết luận giám định xác định: P ký chi tiền cho 3.468 người (x 20.000 đồng = 69.360.000 đồng), Z ký chi tiền cho 1.901 người (x 20.000 đồng = 38.020.000 đồng); Không đủ cơ sở kết luận Z chi tiền cho 1.426 người (x 20.000 đồng = 28.520.000 đồng); Thu giữ 149 Bảng kê chi tiền cho 4.387 người cung cấp thông tin của Nhóm 2 - có chữ ký đứng tên Dương Thị D, F, J, C. Kết luận giám định xác định: Dương Thị D ký chi tiền cho 899 người (x 20.000 đồng = 17.980.000 đồng), F ký chi tiền cho 1.367 người (x 20.000 đồng = 27.340.000 đồng), J ký chi tiền cho 1.779 người (x 20.000 đồng = 35.580.000 đồng), C ký chi tiền cho 91 người (x 20.000 đồng = 1.820.000 đồng).

Đại diện Viện nghiên cứu quản lý đất đai không yêu cầu bồi thường dân sự, không đề nghị gì đối với các cán bộ của Trung tâm trên, do Viện đã nghiệm thu, thanh quyết toán Hợp đồng giao khoán công việc số 08 với Trung tâm.

Đối với Đinh Ngọc H là giám đốc Trung tâm đã ký xác nhận 02 Biên bản kiểm tra kèm theo Tờ trình ngày 28/12/2016 gửi Viện nghiên cứu để kiểm tra, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giao khoán số 08. Tài liệu điều tra không chứng minh động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân của H, H không biết việc lập khống phiếu điều tra, không hưởng lợi nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự.

- Đối với Trần Thanh Z, Trần Hà P, Nguyễn Thị Â là các thành viên trong Nhóm 1 do T là Trưởng nhóm) và Cao Thị F, Lưu Hồng J, Phạm Tuấn C (là các thành viên trong Nhóm 2 do D là Trưởng nhóm): có cùng hành vi với T, D trong việc lập khống phiếu điều tra và danh sách bảng kê chi tiền cho người dân gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước nêu trên, có dấu hiệu của tội Lợi dụng chức

vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, quy định tại khoản 1 Điều 356 BLHS. Tuy nhiên, các đối tượng trên đều là nhân viên hợp đồng, vai trò của các đối tượng trên thấp hơn T, D trong nhóm, đều đã khắc phục 01 phần hậu quả, hiện Viện nghiên cứu quản lý đất đai không đề nghị, yêu cầu bồi thường gì, nên xét thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng này.

- Đối với các thành viên Tổ kiểm tra của Viện nghiên cứu quản lý đất đai: Căn cứ 02 Biên bản kiểm tra và Tờ trình do Đinh Ngọc H ký, các thành viên của Tổ kiểm tra khai chỉ kiểm tra 01 phần số lượng phiếu điều tra của Trung tâm (không nhớ cụ thể kiểm tra phần nào) và ký xác nhận vào Biên bản kiểm tra ngày 29/12/2016 đủ số lượng 11.221 phiếu điều tra. Căn cứ Biên bản kiểm tra, xác nhận của Tổ kiểm tra, ngày 30/12/2016 bà Thái Thị Quỳnh X (là Viện trưởng Viện nghiên cứu) đã ký nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng giao khoán công việc số 08 với Trung tâm. Tổ kiểm tra và bà X không biết việc Đoàn công tác lập không Phiếu điều tra, Danh sách, Bảng kê chi tiền và không được hưởng lợi gì từ việc kiểm tra sản phẩm, nghiệm thu dự án trên. Đề nghị không xem xét xử lý hình sự đối với những đối tượng này.

Tại cơ quan điều tra, 08 cán bộ trong Đoàn công tác đi Hà Tĩnh đã nộp khắc phục số tiền: Trần Văn T nộp 30.000.000 đồng, Trần Hà P nộp 34.000.000 đồng, Đinh Thị Â nộp 34.000.000 đồng, Trần Thanh Z nộp 5.000.000 đồng. Nhóm Dương Thị D, F, J, C mỗi người nộp 22.095.000đ.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 244/2021/HSST ngày 21/7/2021 Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T và Dương Thị D phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Trần Văn T: 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/6/2019 đến ngày 12/5/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Dương Thị D: 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Dương Thị D cho Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2021 bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình các tài liệu thể hiện thành tích của bị cáo trong học tập và công tác.

Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo cũng như lời khai của người liên quan, có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có xuất trình các tài liệu thể hiện thành tích của bị cáo trong học tập và công tác nhưng tình tiết này tòa án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm được tóm tắt như sau:

Tòa án sơ thẩm đã đánh giá vai trò của bị cáo T cao hơn bị cáo D là không chính xác, hai bị cáo có vai trò ngang nhau cùng là trưởng các nhóm thực hiện hành vi phạm tội như nhau. Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác và được giải thưởng nghiên cứu khoa học, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công với cách mạng nên đề nghị ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng thì được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, v khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Với vai trò và các tình tiết giảm nhẹ đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ lời khai của các bị cáo trong vụ án phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xét xử các bị cáo Trần Văn T, Dương Thị D về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn T hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét vai trò của bị cáo T và bị cáo D phải ngang nhau là đúng, tuy nhiên do số tiền bị cáo T chiếm đoạt lớn hơn bị cáo D nên tòa án sơ thẩm đã đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò, số tiền khắc phục hậu quả để quyết định hình phạt của bị cáo T là 18 tháng tù cao hơn bị cáo D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã có ý thức khắc phục bồi thường thiệt hại, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu theo điểm b,s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình các tài liệu thể hiện bị cáo có nhiều thành tích trong công tác và học tập trong đó có giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên, đây là thành tích xuất sắc trong học tập nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Không có căn cứ để chấp nhận tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa. Như vậy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới và nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được tòa án sơ thẩm áp dụng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giam thời gian hơn 10 tháng, hiện tại bị cáo lại đang bị bệnh phải điều trị lâu dài nên xét thấy thời gian bị cáo bị tạm giam cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo. Vì vậy có căn cứ để áp dụng thêm điều 54 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giảm hình phạt và xử bị cáo

bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 về án lệ phí tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 244/2021/HSST ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Áp dụng: Khoản 1 điều 356; điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38; điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn T** 10(mười) tháng 21(hai một) ngày tù về tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 27/6/2019 đến 12/5/2020.

Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội.
- Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Bị cáo, luật sư
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Ngân

